

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền;
2. Bà Thi Thị Tuyết Nhung.

- T ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Kiều T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 10, khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Lâm Văn Hải L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 10, khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị T có mặt tại phiên tòa; Anh Hải L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Kiều T trình bày: Năm 1996, chị Huỳnh Kiều T và anh Lâm Văn Hải L tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường LH, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 318/HT, quyển số II/2002,

ngày 03/9/2002. Sau lễ cưới, chị T và anh Hải L sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh L được khoảng 3, 4 năm. Sau đó, sinh sống tại nhà riêng ở địa chỉ tổ 10, khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T mắc bệnh phụ khoa nên giữa chị T và anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh L không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm nói chuyện với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm giữa chị T và anh Hải L ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn Hải L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh Hải L có 02 con chung tên Lâm Nguyên L, sinh ngày 01/9/2000 (đã trưởng thành, có khả năng lao động) và Lâm Chính N, sinh ngày 22/3/2008.

Chị T yêu cầu được nuôi dạy cháu N, không yêu cầu anh Hải L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 548/TB-TLVA ngày 06/10/2020 cho anh Lâm Văn Hải L thông qua người thân anh Lâm Nguyễn L (con ruột anh L) nhận thay và anh L xác nhận có thông tin cho anh Hải L biết về việc Huỳnh Kiều T khởi đơn kiện ly hôn với anh Hải L tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh Hải L đối với yêu cầu của chị T và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh Hải L gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh L vắng mặt, chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh tình trạng cư trú của anh Hải L tại Công an phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Kiều T và anh Hải L tại Ban khóm LT A, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Biên bản lấy lời khai cháu Lâm Nguyên L; Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Lâm Chính N. Cụ thể:

- Công an phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cho biết: Anh Lâm Văn Hải L sinh năm 1976, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 10, khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Hiện ông Hải L đang sinh sống ở địa phương. Đồng thời, con ruột Lâm Nguyên L, sinh năm 2000 và Lâm Chính N, sinh năm 2008 có đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với cha ruột Lâm Văn Hải L tại tổ 10, khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Ban khóm LT A, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cung cấp: Về tình trạng hôn nhân giữa chị Huỳnh Kiều T và anh Lâm Văn Hải L như thế nào thì Ban khóm không biết và cũng không rõ mâu thuẫn. Qua tìm hiểu được biết, tại địa phương anh Hải L và chị T đã không còn chung sống với nhau (sống xa nhau) khoảng năm 2013 cho đến nay và không thấy qua lại với nhau nữa. Về con chung giữa anh Hải L và chị T có 02 con chung tên Lâm Nguyên L, sinh

năm 2000 và Lâm Chính N, sinh năm 2008. Hiện, các con (L và N) sống cùng với chị T và anh Hải L.

- Cháu Lâm Nguyên L khai: Em là con ruột của chị Huỳnh Kiều T và anh Lâm Văn Hải L. Hiện nay em L đang sống chung nhà với mẹ T và cha Hải L tại tổ 10, khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Cha mẹ em (chị T – anh Hải L) phát sinh mâu thuẫn đã lâu (khoảng năm 2012 – 2013) là do cha Hải L không quan tâm và lo cho mẹ T và các em. Cha Hải L và mẹ T không còn chung sống (sống xa nhau) từ khoảng năm 2013 cho đến nay, không còn liên lạc hay hỏi thăm nhau nữa. Em L đã nhiều lần khuyên ngăn cha mẹ (T – L) sống chung lại với nhau và hàn gắn tình cảm nhưng không được.

- Cháu Lâm Chính N khai: Từ trước cho đến nay cháu N sống chung với cha L và mẹ T. Hằng ngày cháu N đều sống chung với cha L và mẹ T, nếu cha mẹ (L – T) của cháu có ly hôn thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ T vì mẹ đã chăm sóc và nuôi cháu, hiện tại cháu có cuộc sống đầy đủ và được đi học. Cháu N có nguyện vọng sống với mẹ T.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Năm 1996, chị Huỳnh Kiều T và anh Lâm Văn Hải L tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường LH, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 318/HT, quyển số II/2002, ngày 03/9/2002 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau lễ cưới, chị T và anh Hải L sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh Hải L được khoảng 3, 4 năm. Sau đó, sinh sống tại nhà riêng ở địa chỉ tổ 10, khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T mắc bệnh phụ khoa nên giữa chị T và anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh L không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm nói chuyện với nhau từ năm 2013 cho đến nay, chị T đã khởi đơn kiện ly hôn với anh Hải L. Qua xác minh, nhận thấy tình cảm của chị T và anh L đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị T yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh Lâm Văn Hải L có 02 con chung tên: Lâm Nguyên L, sinh ngày 01/9/2000 (đã trưởng thành, có khả năng lao động) và Lâm Chính N, sinh ngày 22/3/2008.

Chị T yêu cầu được nuôi dạy cháu N, không yêu cầu anh Hải L cấp dưỡng nuôi con chung và cháu N có nguyện vọng sống chung với chị T. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Kiều T được ly hôn anh Lâm Văn Hải L.

Về con chung: Chị Huỳnh Kiều T được nuôi dạy cháu Lâm Chính N, sinh ngày 22/3/2008. Anh Lâm Văn Hải L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Huỳnh Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Huỳnh Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn Hải L. Anh Hải L có nơi cư trú: Tổ 10, khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lâm Văn Hải L được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 1996, chị Huỳnh Kiều T và anh Lâm Văn Hải L tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường LH, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 318/HT, quyển số II/2002, ngày 03/9/2002. Hôn nhân giữa chị T và anh Hải L là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T mắc bệnh phụ khoa nên giữa chị T và anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh L không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm nói chuyện với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Tình cảm của chị T đối với anh Hải L đã hết, chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn Hải L.

Biên bản xác minh Ban khóm LT A, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cung cấp: Về tình trạng hôn nhân giữa chị Huỳnh Kiều T và anh Lâm Văn Hải L như thế nào thì Ban khóm không biết và cũng không rõ mâu thuẫn. Qua tìm hiểu được biết, tại địa phương anh Hải L và chị T đã không còn chung sống với nhau (sống xa nhau) khoảng năm 2013 cho đến nay và không thấy qua lại với nhau nữa.

Biên bản (lấy lời khai) của em Lâm Nguyên L (con ruột của chị T và anh L) cho biết: Cha mẹ em (T – L) phát sinh mâu thuẫn đã lâu (khoảng năm 2012 – 2013) là do anh Hải L không quan tâm và chăm lo cho gia đình. Cha mẹ em (T – L) không còn chung sống (sống xa nhau) từ khoảng năm 2013 cho đến nay, không còn liên lạc hay hỏi thăm nhau nữa.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị T và anh Hải L phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị T và anh Hải L hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh Hải L vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh Hải L chưa thật sự hàn gắn tình cảm với chị T.

Tình trạng vợ chồng chị T và anh Hải L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị T. Xét, cho chị T ly hôn với anh Hải L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị T và anh Hải L có 02 (hai) con chung tên Lâm Nguyên L, sinh ngày 01/9/2000 (đã trưởng thành, có khả năng lao động) và Lâm Chính N, sinh ngày 22/3/2008.

Chị T yêu cầu được nuôi dạy cháu N, không yêu cầu anh Hải L cấp dưỡng nuôi con chung

Biên bản lời khai cháu Lâm Chính N, sinh ngày 22/3/2008 có nguyện vọng được sống chung với mẹ T vì mẹ đã chăm sóc và nuôi cháu, hiện tại cháu có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

Xét, chị T yêu cầu được nuôi dạy con chung Lâm Chính N, sinh ngày 22/3/2008, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận.

Chị Huỳnh Kiều T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lâm Văn Hải L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Lâm Văn Hải L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kiều T.

Chị Huỳnh Kiều T được ly hôn với anh Lâm Văn Hải L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 318/HT, quyển số II/2002, ngày 03/9/2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường LH, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho chị Huỳnh Kiều T và anh Lâm Văn Hải L không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Huỳnh Kiều T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lâm Chính N, sinh ngày 22/3/2008. Anh Lâm Văn Hải L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Kiều T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lâm Văn Hải L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Huỳnh Kiều T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0005414 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Huỳnh Kiều T đã nộp đủ án phí.

Anh Lâm Văn Hải L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh L là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương